TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vương Minh Tân.
2. Bà Lý Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGÔ DIỆU T**, sinh năm 1999.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 01, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Tổ dân phố 02, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **TRẦN NGỌC T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị NGÔ DIỆU T trình bày: Tôi và anh TRẦN NGỌC T, sinh năm 1994 ở tổ dân phố 01, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/10/2019, tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T ở tổ dân phố 01,

phường A, thành phố T. Thời gian đầu sau ngày kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng gần 02 năm, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn căng thẳng, nên tháng 3/2022 tôi về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố 02, phường A, thành phố T, ở cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung.

Do xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn xảy ra căng thẳng, kéo dài và thực tế vợ chồng sống ly thân đã nhiều ngày nay, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh TRẦN NGỌC T theo quy định của pháp luật.

Về con chung tôi và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Diệu Quỳnh C, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2020, khi ly hôn tôi xin nhận được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C, tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung tôi và anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung tôi và anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh TRẦN NGỌC T không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày về ý kiến của mình.

Về chứng cứ chị NGÔ DIỆU T cung cấp cho Tòa án:

- 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị NGÔ DIỆU T và anh TRẦN NGỌC T;
- 01 bản sao Giấy khai sinh đứng tên Trần Diệu Quỳnh C;
- 01 bản sao Căn cước công dân đứng tên NGÔ DIỆU T;
- 01 bản sao Số hộ khẩu đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Kim T;

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị NGÔ DIỆU T và anh TRẦN NGỌC T được biết: Chị T và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố T. Sau khi kết hôn, chị T và anh T sinh sống tại nhà mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Kim T ở tổ dân phố 01, phường A, thành phố T. Thời gian đầu vợ chồng chị T, anh T sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây chị T và anh T có xảy ra mâu thuẫn. Chị T và anh T thường xảy ra cãi vã khiến cho vợ chồng sống căng thẳng. Theo địa phương được biết thì chị T về nhà bố mẹ đẻ ở nên chị T và anh T sống ly thân nhau. Anh T đi làm ở đâu? Công việc gì địa phương không nắm được, nhưng anh T vẫn thi thoảng về khi gia đình có công việc. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Diệu Quỳnh C, sinh ngày 27/4/2020, hiện đang ở cùng chị T. Chị T và anh T không có tài sản chung ở địa phương. Về tài sản cho vay và vay nợ chung thì địa phương không nắm được.

Tòa án làm việc với bà Nguyễn Thị Kim T là mẹ đẻ của anh TRẦN NGỌC T được biết: Chị NGÔ DIỆU T và anh TRẦN NGỌC T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn; gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình tôi ở tổ dân phố 01, phường A, thành phố T, được một thời gian thì vợ chồng chị T, anh T xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 3 năm 2022, chị T về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ ở tổ dân phố 01, phường A, thành phố T đến nay, nên chị T và anh T sống ly thân; gia đình đã khuyên giải nhiều lần cho chị T và anh T, nhưng không thành. Chị T và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Diệu

Quỳnh C, sinh ngày 27/4/2020, hiện đang ở cùng chị T. Chị T và anh T không có tài sản chung. Về tài sản cho vay và vay nợ chung của chị T và anh T thì tôi không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án nhân dân thành phố T, không tiến hành hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình,* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các thành phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị T đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh T còn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị NGÔ DIỆU T được ly hôn với anh TRẦN NGỌC T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Diệu Quỳnh C, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2020, cho chị NGÔ DIỆU T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh TRẦN NGỌC T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị NGÔ DIỆU T (do chị NGÔ DIỆU T không có yêu cầu).

- Về tài sản chung không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị NGÔ DIỆU T phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh TRẦN NGỌC T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị NGÔ DIỆU T và anh TRẦN NGỌC T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/10/2019, tại Ủy ban nhân phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình nhà chồng ở tổ dân phố 01, phường A, thành phố T. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; thực tế vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, nên chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh T có mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; thực tế vợ chồng sống ly thân đã lâu ngày, không còn quan tâm đến nhau, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị T là được ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Diệu Quỳnh C, sinh ngày 27/4/2020. Xét thấy cháu C tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu C còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, nên giao cháu C cho chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung do đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung do đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với anh TRẦN NGỌC T quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc chị T xin ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: - Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

- Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Nguyên đơn là chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị T và anh T theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

**** Tuyên xử***:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị NGÔ DIỆU T được ly hôn với anh TRẦN NGỌC T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Trần Diệu Quỳnh C, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2020, cho chị NGÔ DIỆU T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh TRẦN NGỌC T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị NGÔ DIỆU T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: - Chị NGÔ DIỆU T phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000454, ngày 12 tháng 10 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị NGÔ DIỆU T đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh TRẦN NGỌC T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị NGÔ DIỆU T và anh TRẦN NGỌC T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn